

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 185/2024/HS-PT

Ngày: 12/3/2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;  
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1234/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Hoàng Văn T**, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1979 tại tỉnh H; nơi cư trú: **Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh H**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Văn T1** và bà **Lương Thị C**; có vợ là **Ma Thị T2** và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Vũ Đình L**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1976 tại tỉnh H; nơi cư trú: **Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện C, tỉnh H**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vũ Đình H** và bà **Trần Thị T3**; có vợ là **Hoàng Thị N** và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo không kháng cáo: 6 (Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ các tài liệu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm được tóm tắt như sau:

Sau khi hết thời hạn khai thác, thăm dò quặng Antimon tại khu vực **Mỏ L (thuộc thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh H)** theo Giấy phép khai thác khoáng sản số

848/GP-BTNMT ngày 03/6/2013 và Giấy phép gia hạn thăm dò số 45/GP-BTNMT ngày 09/01/2018 của Bộ T7, Công ty cổ phần K, địa chỉ số A, đường B, phường T, thành phố T, tỉnh H (Công ty K) chỉ đạo Xí nghiệp A1 là đơn vị trực thuộc, trực tiếp tổ chức quản lý, thực hiện hoạt động khai thác quặng tại Mỏ A Làng V (Xí nghiệp A1) dừng việc thăm dò, khai thác quặng; bán hết số quặng đã khai thác; kiểm kê toàn bộ trang thiết bị, tài sản và bố trí 07 người là lãnh đạo, công nhân, bảo vệ của đơn vị gồm: Hoàng Văn T sinh năm 1979 (trú tại Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh H); Vũ Đình Lâm sinh năm 1976 (trú tại tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh H); Đỗ Trung S sinh năm 1982 (trú tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh H); Nguyễn Bá M sinh năm 1980 (trú tại tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh H - là Phó Giám đốc Xí nghiệp A1); Ma Văn N1 sinh năm 1992 và Hà Xuân V sinh năm 1993 (cùng trú tại thôn B, xã P, huyện C, tỉnh H) và Triệu Văn Đ sinh năm 1990 (trú tại thôn T, xã P, huyện C, tỉnh H) trực tại Mỏ A Làng V để bảo vệ, bơm nước trong hầm lò.

Đến tháng 09/2022 (không rõ ngày) sau khi tiến hành tháo dỡ máy móc, thiết bị ra khỏi hầm lò, thấy trong hầm lò vẫn còn các vỉa quặng dễ khai thác, lợi dụng Giám đốc Xí nghiệp A1 thường xuyên không có mặt tại mỏ nên T4, S, N1, V, L, Đ, M nảy sinh ý định khai thác quặng trái phép trong hầm lò để bán lấy tiền chia nhau. Để thực hiện ý định này và do biết Vũ Minh T5 sinh năm 1973 (trú tại thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh H), vì trước đây T5 đã từng làm thuê tại Mỏ A Làng V, có thu mua quặng, nên sau khi thống nhất trong nhóm, T đã trực tiếp liên hệ, trao đổi với T5 về việc nhóm của T dự định sẽ khai thác trái phép quặng A tại Mỏ A Làng V và bảo T5 mua lại số quặng mà nhóm của T khai thác được với giá 16.000 đồng/01 kg; T5 đồng ý và bảo T cứ cho nhóm khai thác quặng, rồi báo cho T5 để T5 đánh xe ô tô tải đến Mỏ mua, vận chuyển mang đi bán. Sau khi thỏa thuận và được T5 hứa hẹn như trên, nhóm T, L, S, N1, V, Đ đã cùng nhau thực hiện hành vi khai thác trái phép quặng tại Mỏ quặng A Làng V. Từ tháng 09/2022 đến tháng 01/2023, nhóm của T đã khai thác quặng trái phép tại Mỏ quặng Antimon Làng V và thông báo để T5 điều khiển xe ô tô tải của mình đến mua, vận chuyển mang đi bán, tổng số quặng là 21.000kg (21 tấn quặng).

Trong tháng 09/2022, nhóm T, L, S, M, N1, V, Đ cùng vào trong hầm lò khai thác quặng trái phép; các đối tượng sử dụng dụng cụ có sẵn trong hầm lò như cuốc, cuốc bươm, xà beng, búa, troàng bằng kim loại cạy để đục theo các vỉa để lấy quặng, thời gian khai thác quặng khoảng từ 20 đến 30 ngày (không xác định được thời gian cụ thể), sau đó cả nhóm cho toàn bộ số quặng khai thác được vào các bao tải dứa (do S chuẩn bị từ trước), rồi chuyển đến tập kết ở vị trí gần cửa hầm lò; khi đã khai thác được một số quặng, T liên hệ với T5 để đến vận chuyển, mua bán quặng như đã thỏa thuận. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T5 điều khiển xe ô tô tải của mình loại 3,5 tấn, biển kiểm soát 22L - 3233 đến khu vực Mỏ A Làng V và điều khiển xe ô tô lên bàn cân điện tử để cân trọng lượng xe (cân điện tử của Xí nghiệp A1), cân xong T5 điều khiển xe ô tô đi đến trước cửa hầm lò để nhóm T, L, S, N1, V, Đ, M vận chuyển các bao tải quặng từ trong cửa hầm lò cho lên xe ô tô; khi bốc hết số quặng khai thác trái phép được lên xe ô tô, T5 tiếp tục điều

khuyến xe ô tô đi lên bàn cân điện tử để cân tổng trọng lượng, sau khi trừ đi trọng lượng chiếc xe ô tô đã cân trước đó, còn lại 6.000 kg quặng (06 tấn quặng), nhân với đơn giá thỏa thuận là 16.000 đồng/01 kg, thành ra số tiền là 96.000.000 đồng, nhưng nhóm của **T** đã thống nhất với **T5** chỉ lấy tròn số tiền là 90.000.000 đồng (bớt cho **T5** 6.000.000 đồng). **T5** hẹn **T** mấy hôm nữa đến nhà **T5** lấy tiền, rồi **T5** điều khiển xe ô tô chở quặng đi. Khoảng 03 đến 04 hôm sau, **T** và **L** đi đến nhà **T5** để lấy tiền bán quặng, tại đây **T5** đã đưa cho **L** 90.000.000 đồng như đã thống nhất. Sau khi nhận được cả nhóm thống nhất chia đều thành 06 suất, mỗi suất 15.000.000 đồng (trong đó **T**, **L**, **S**, **M** mỗi người được hưởng 01 suất; còn **N1**, **V**, **Đ** hưởng chung 01 suất do thời gian tham gia khai thác quặng ít hơn). Còn lại 01 suất giao cho **L** giữ để chi phí sinh hoạt chung cho cả nhóm).

Với cách thức khai thác quặng trái phép tại **Mỏ Antimon Làng V** như trên, trong tháng 11/2022 (không xác định được thời gian cụ thể), nhóm **T**, **L**, **S**, **M**, **N1**, **V**, **Đ** tiếp tục thực hiện hành vi khai thác quặng trái phép. Khi đã khai thác được một số quặng, **T** lại gọi điện thoại thông báo cho **T5** như thỏa thuận; khoảng 23 giờ cùng ngày, **T5** điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 22L - 3233 đến cửa hầm lò để nhóm của **T** bốc toàn bộ số quặng khai thác trái phép được lên xe, rồi **T5** điều khiển xe ô tô đi lên bàn cân điện tử để cân tổng trọng lượng xe ô tô, sau khi trừ trọng lượng xe ô tô, còn lại 7.000kg quặng (07 tấn quặng), nhân với đơn giá thỏa thuận là 16.000 đồng/01 kg, thành ra số tiền là 112.000.000 đồng, nhưng nhóm của **T** thống nhất với **T5** lấy tròn số tiền là 110.000.000 đồng (bớt cho **T5** 2.000.000 đồng). Sau khi nhận được số tiền này từ **T5**, cả nhóm thống nhất ra 05 suất, mỗi suất 15.000.000 đồng (trong đó **T**, **L**, **S**, **M** mỗi người hưởng 01 suất; còn **N1**, **V**, **Đ** hưởng chung 01 suất do thời gian tham gia khai thác quặng ít hơn). **L** đưa cho **T** 3.000.000 đồng để cho hai nhân viên bảo vệ của **Xí nghiệp A1** là anh **Trần Anh S1** 2.000.000 đồng và anh **Trần Khắc T6** 1.000.000 đồng (ông **S1** và ông **T6** không biết nguồn gốc số tiền này, không biết và không tham gia vào việc khai thác quặng trái phép với nhóm của **T**). Còn lại 32.000.000 đồng **L** giữ để chi phí sinh hoạt chung cho cả nhóm.

Trong tháng 12/2022 (không xác định được thời gian cụ thể), nhóm **T**, **L**, **S**, **M**, **N1**, **V**, **Đ** tiếp tục thực hiện hành vi khai thác quặng trái phép tại **Mỏ A Làng V**; khi đã khai thác được một số quặng, **T** lại gọi điện thoại thông báo cho **T5** như thỏa thuận. Khoảng 23 giờ cùng ngày, **T5** điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 22L - 3233 đến cửa hầm lò để nhóm của **T** bốc toàn bộ số quặng khai thác trái phép lên xe; sau đó **T5** điều khiển xe ô tô đi lên bàn cân điện tử để cân tổng trọng lượng xe ô tô và trừ trọng lượng xe ô tô, còn lại 5.000kg quặng (05 tấn quặng), nhân với đơn giá thỏa thuận là 16.000 đồng/01 kg, ra số tiền là 80.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền này từ **T5**, cả nhóm thống nhất chia ra 05 suất, mỗi suất 15.000.000 đồng (trong đó **T**, **L**, **S**, **M** mỗi người hưởng 01 suất; còn **N1**, **V**, **Đ** hưởng chung 01 suất do thời gian tham gia khai thác quặng ít hơn). Còn lại 5.000.000 đồng **L** giữ để chi phí sinh hoạt chung cho cả nhóm.

Trong tháng 01/2023, cùng cách thức khai thác quặng trái phép như những lần trước, nhóm **T**, **L**, **S**, **N1**, **V**, **Đ** tiếp tục thực hiện hành vi khai thác quặng trái

phép tại **Mỏ A Làng V** (lần này **M** không tham gia vì đã chuyển công tác về **huyện S**). Do có việc bận nên khi đã khai thác được một số quặng, **T** bảo **L** trực tiếp liên hệ, thông báo cho **T5** biết; sau đó **T5** tiếp tục điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 22L - 3233 đến bốc và cân quặng được 3.000kg quặng (03 tấn quặng), nhân với đơn giá thỏa thuận 16.000 đồng/01 kg, được số tiền là 49.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền này, cả nhóm thống nhất chia thành 04 suất, mỗi suất 11.000.000 đồng (trong đó **T**, **L**, **S** mỗi người hưởng 01 suất; còn **N1**, **V**, **Đ** hưởng chung 01 suất. Vui hưởng 3.800.000 đồng, **N1** và **Đ** mỗi người hưởng 3.600.000 đồng). Số tiền còn lại 5.000.000 đồng, **L** tiếp tục giữ để chi phí sinh hoạt chung cho cả nhóm.

Toàn bộ 21.000kg (21 tấn quặng) trên, do chưa bán được cho ai nên **T5** đã vận chuyển về cất giữ tại khu vực sân sau nhà ông **Vũ Ngọc C1** (trú tại **thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh H**), là bố vợ của **T5**; việc **T5** cất giữ quặng, ông **C1** không biết vì trong khoảng thời gian này ông **C1** và vợ đi chữa bệnh nên thường xuyên vắng nhà, **T5** không nói cho ông **C1** biết. Ngày 07/02/2023, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - **Công an tỉnh T** đã phối hợp với Cơ quan CSĐT **Công an huyện C** tiến hành lập biên bản thu giữ 34.944kg quặng (34,944 tấn quặng) tại khu vực sân sau nhà ông **C1** (21.000 kg quặng do các bị cáo khai thác trái phép tại **Mỏ A Làng V**; 13.944kg quặng do **T5** thu mua của một số người dân nhưng không biết họ tên, địa chỉ).

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 09/2022 đến tháng 01/2023, tại hầm lò trong khu vực **Mỏ A Làng V** thuộc **thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh H**, các bị cáo **Hoàng Văn T**, **Vũ Đình L**, **Đỗ Trung S**, **Ma Văn N1**, **Hà Xuân V**, **Triệu Văn Đ**, **Nguyễn Bá M**, **Vũ Minh T5** đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 21.000kg quặng Antimon (21 tấn), trị giá 603.750.000 đồng. Trong đó bị cáo **M** trực tiếp tham gia khai thác trái phép 18.000 kg quặng, trị giá 517.500.000 đồng; bị cáo **T5** có hành vi trực tiếp hứa hẹn, thỏa thuận, giúp sức cho các bị cáo trong việc vận chuyển, tiêu thụ quặng. Tổng số tiền bán quặng là 329.000.000 đồng (trong đó các bị cáo **T**, **L**, **S** mỗi bị cáo hưởng 56.000.000 đồng; bị cáo **M** hưởng 45.000.000 đồng; các bị cáo **Đ** và **N1** mỗi bị cáo hưởng 18.600.000 đồng; bị cáo **V** hưởng 18.800.000 đồng). Còn 60.000.000 đồng các bị cáo sử dụng để ăn uống, sinh hoạt chung.

\* Về kết luận giám định, định giá tài sản:

- Tại Kết luận giám định số 909/KL-KTHS ngày 03/3/2023 của **V1, Bộ C2**, kết luận: Mẫu chất rắn thu giữ tại sân nhà **Vũ Ngọc C1** là quặng Antimon, hàm lượng Antimon 39,12%.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 31/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự tỉnh H, kết luận:

+ 21.000kg (21 tấn) quặng Antimon do các bị cáo khai thác trái phép trị giá 603.750.000 đồng.

+ 13.944kg (13,944 tấn) quặng do bị cáo **Vũ Minh T5** thu mua của người dân trị giá 400.890.000 đồng.

Cáo trạng số 42/CT-VKSTQ-P1 ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H đã truy tố các bị cáo **Hoàng Văn T**, **Vũ Đình L**, **Đỗ Trung S**, **Ma Văn N1**, **Hà Xuân V**, **Triệu Văn Đ**, **Nguyễn Bá M** về tội Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên, quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo **Vũ Minh T5** về tội Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 22/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo **Hoàng Văn T**, **Vũ Đình L**, **Đỗ Trung S**, **Ma Văn N1**, **Hà Xuân V**, **Triệu Văn Đ**, **Nguyễn Bá M**, **Vũ Minh T5** phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Vũ Đình L** 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2023, các bị cáo **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện ăn năn hối cải. Các bị cáo xuất trình các Biên lai của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H về việc nộp xong khoản tiền thu lợi bất chính còn lại chưa khắc phục theo quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. **Hoàng Văn T** xuất trình đơn ngày 05/3/2024 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N), nội dung bị cáo có bố đẻ là người có công, gia đình bị cáo đều chấp hành tốt pháp luật nơi cư trú. **Vũ Đình L** xuất trình đơn (có xác nhận ngày 16/9/2023 của UBND xã N) về việc bị cáo có bố vợ tham gia kháng chiến được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự là đúng; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** mỗi bị cáo 12 tháng tù, là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới do đã khắc phục xong toàn bộ tiền thu lợi bất chính, thể hiện đã thực sự ăn năn hối cải.

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đều có nơi cư trú ổn định. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

### NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2022 đến tháng 01/2023, tại hầm lò trong khu vực **Mỏ A Làng V** thuộc thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh H, **Hoàng Văn T**, **Vũ Đình L**, **Đỗ Trung S**, **Ma Văn N1**, **Hà Xuân V**, **Triệu Văn Đ**, **Nguyễn Bá M** đã khai thác trái phép 21.000kg quặng Antimon (21 tấn- có trị giá là 603.750.000 đồng) bán cho **Vũ Minh T5** tổng số 329.000.000 đồng; sau khi trừ tiền ăn uống chi phí chung các bị cáo chia nhau hưởng (trong đó **T** và **L** mỗi bị cáo hưởng 56.000.000 đồng).

Tòa án nhân dân tỉnh H xét xử các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của **Hoàng Văn T**, **Vũ Đình L** xin hưởng án treo:

Các bị cáo đều là công nhân, đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong suốt quá trình tố tụng đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Toàn bộ quặng khai thác trái phép đã được cơ quan điều tra thu giữ nên hậu quả đã được khắc phục. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, **T** và **L** mỗi bị cáo đều đã tự nguyện nộp được 20.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** mỗi bị cáo 01 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp xong số tiền thu lợi bất chính theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Các bị cáo xuất trình tài liệu về việc gia đình có công. Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận là tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét các bị cáo đều bị xử phạt 01 năm tù, đều có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đều có nơi cư trú rõ ràng (đơn trình bày về hoàn cảnh gia đình được chính quyền xác nhận), nên không cần thiết phải bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà cho **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** hưởng án treo như kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H: Giữ nguyên hình phạt tù và cho hưởng án treo đối với **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** như sau:

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Hoàng Văn T** 12 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Vũ Đình L** 12 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Hoàng Văn T** cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh H; giao bị cáo **Vũ Đình L** cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh H - để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Các bị cáo **Hoàng Văn T** và **Vũ Đình L** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Ghi nhận bị cáo **Hoàng Văn T** đã nộp 36.000.000 đồng và 8.143.000 đồng theo các Biên lai số 0003036 ngày 27/9/2023 và số 0000004 ngày 27/10/2023, đều của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Ghi nhận bị cáo **Vũ Đình L** đã nộp 36.000.000 đồng và 8.143.000 đồng theo các Biên lai số 0003035 ngày 27/9/2023 và số 0000003 ngày 27/10/2023, đều của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/3/2024.

**Nơi nhận:**

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Công an tỉnh H;
- Cục THA dân sự tỉnh H;
- UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, tỉnh H;
- UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh H;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC  
THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Phan Thị Vân Hương**